

Số: **517/2021/QĐST-HNGĐ**

Tân Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 449/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà **Huỳnh Lê Bạch T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 61 Đường A, Phường E, Quận H, Tp.HCM

Địa chỉ nơi làm việc: 235 Đường B, Phường F, Quận I, Tp.HCM

2/ Ông **Trần Ngọc T1**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 5118H Đường C, Phường G, Quận L, Thành phố Hà Nội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Huỳnh Lê Bạch T và ông Trần Ngọc T1 cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà T có địa chỉ nơi làm việc tại Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường 8, Quận H cấp ngày 21/01/2011 thì bà Huỳnh Lê Bạch T và ông Trần Ngọc T1 là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà T và ông T1 sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hòa hợp nên vợ chồng không có sự thấu hiểu nhau, tình cảm ngày càng phai nhạt. Hai bên đã nhiều lần nói chuyện để tìm cách hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nay, cả bà T và ông T1 đều xác định tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa án công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai thống nhất giao 02 con chung tên Trần Thái K, sinh ngày 03/5/2012 và Trần Hoàng Y, sinh ngày 14/02/2017 cho bà Huỳnh Lê Bạch T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 10.000.000 đồng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 11/2021 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do bà T và ông T1 chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Lê Bạch T và ông Trần Ngọc T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thái K, sinh ngày 03/5/2012 và Trần Hoàng Y, sinh ngày 14/02/2017 cho bà Huỳnh Lê Bạch T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Ngọc T1 cấp dưỡng nuôi mỗi con một tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 11/2021 cho đến khi hai con chung lần lượt đủ 18 tuổi.

Trường hợp, ông Trần Ngọc T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu thêm tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm thực hiện tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng gia đình các bên không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Lê Bạch T và ông Trần Ngọc T1 nộp, được căn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số 0030456 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q. Tân Bình;
- Chi cục THADS Q. Tân Bình;
- UBND phường 8, Quận H (để ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy chứng nhận kết hôn số 10, quyền số 01/2011 ngày 21/01/2011);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Bành Kim Phụng